

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+SAVR	7:25	4+15+0	0+0+0		1+10	0+0+0	
2		P1+BK15+PBDA	9:25	5+0+13	0+0+0		0+3+18	0+0+0	chuyen 2 TD1- PBDA
3		SAVR	11:45	18+0	0+0		12	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: DUONG - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1889	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN ĐỨC VIỆT	PVD8	89	1	6	3	70	71	PVDO	Vietnamese
2	LÊ NGỌC LUYẾN	PVD8	35,90	2	7			68	PVDO	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC QUY	PVD8	36,88	2	15			86	PVDO	Vietnamese
4	PHẠM NHƯ ANH	PVD8	86-87	2	18			59	PVDO	Vietnamese
5	TRINH CÔNG QUYNH	SAVR	17-18	2	13			62	PVD LOGGI	Vietnamese
6	BANG VINH QUANG	SAVR	19	1	7	1	10	79	PVD LOGGI	Vietnamese
7	NG. CHIẾN THẮNG	SAVR	22	1	8			59	ANTOAN	Vietnamese
8	HOANG VINH PHU	SAVR	13	1	9			72	ANTOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THẮNG	SAVR	16	1	6	4	90	67	ANTOAN	Vietnamese
10	GORIUNOV DENIS	SAVR	02-03	2	12			89	AMHTP	Russian
11	NGUYỄN ANH ĐỨC	SAVR	04	1	3			57	DMC-MI	Vietnamese
12	DO VAN BACH	SAVR	14-15	2	10			63	DMC-MI	Vietnamese
13	ĐÀO DUY KHÁNH	SAVR	09	1	11			78	BAKER HU	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THƯA THIÊN	SAVR	10-11	2	20			73	BAKER HU	Vietnamese
15	KLISHIN SERGEI	SAVR	08	1	12			97	AMHTP	Russian
16	USMANOV ALFRED	SAVR	05	1	16			112	AMHTP	Russian
17	VTEKHIN IVAN	SAVR	06-07	2	15			76	AMHTP	Russian
18	KOROTKOV ANDREI	SAVR	01	1	7			120	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	4	284	7	46	3	70	1		
2	SAVR	14	1.104	19	149	5	100	10		
TOTAL		18	1.388	26	195	8	170	11		
WEIGHT KG			1.388		195		170			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: P1 - BK15 - PBDA	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1890	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU ĐOAN HÙNG	P1	64	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CHÁNH	P1	62	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG DUC THUAN	P1	65	1	13	4	71	77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỂ HỒI	P1	61	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MẠNH	P1	63	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
6	HUANG XIANGHUA	PBDA	24-25	2	10	1	13	101	YUANCHEN	Chinese
7	LUO BAO	PBDA	27-28	2	20			75	YUANCHEN	Chinese
8	LI GANG	PBDA	22-23	2	20			76	YUANCHEN	Chinese
9	NGUYỄN HOANG NAM	PBDA	40	1	5			67	MINH MINH	Vietnamese
10	MOROZOV ILIA	PBDA	33-34	2	13			107	«NETPOJIA»	Russian
11	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	PBDA	38-39	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG BA THẮNG	PBDA	42	1	18			62	DVL	Vietnamese
13	DUBOGRAEV MIKHAIL	PBDA	36	1	15			83	AMHTP	Russian
14	SULTANOV TIMUR	PBDA	37	1	11			87	AMHTP	Russian
15	PRADEDOVICH MIKHAIL	PBDA	35	1	5			94	AMHTP	Russian
16	ANDREEV EVGENII	PBDA	32	1	13			89	AMHTP	Russian
17	KARPENKO ALEKSEI	PBDA	29	1	10			81	AMHTP	Russian
18	DUMBADZE DAVID	PBDA	30-31	2	13			86	AMHTP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	5	335	5	46	4	71	0		
2	BK15	0	0	0	0	2	34	3 + 2	CHUYEN 2 PAX BK15-PBDA	
3	PBDA	13	1.073	19	164	1	13	18		
TOTAL		18	1.408	24	210	7	118	21		
WEIGHT KG			1.408		210		118			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:SAVR	CREW: LINH - NPHÚ - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1891	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VALIEV ILDAR	SAVR	61	1	8			72	AMHGP	Russian
2	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	40	1	5			109	AMHGP	Russian
3	PANKOV SERGEY	SAVR	47	1	8			84	AMHGP	Russian
4	POMOZOV ALEKSANDR	SAVR	55	1	4			72	AMHGP	Russian
5	VINNIKOV SERGEI	SAVR	56	1	7			113	AMHGP	Russian
6	KHUSAINOV RUSTAM	SAVR	49	1	9			91	AMHGP	Russian
7	ZINGIREEV ALEKSANDR	SAVR	53-54	2	11			101	AMHGP	Russian
8	KALIMOV VASIL	SAVR	57	1	12			110	AMHGP	Russian
9	ZHULIANOV DMITRII	SAVR	52	1	6			95	AMHGP	Russian
10	SUIAZOV EVGENII	SAVR	50-51	2	14			85	AMHGP	Russian
11	TRETIAKOV NIKITA	SAVR	59-60	2	13			70	AMHGP	Russian
12	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	41-42	2	12			126	AMHGP	Russian
13	NGO VAN PHU	SAVR	39	1	11			64	AMHGP	Vietnamese
14	OSIN DMITRII	SAVR	43-44	2	13			86	AMHGP	Russian
15	NGUYEN TIEN DUNG	SAVR	37-38	2	16			88	PVDWS	Vietnamese
16	HỒ TRỌNG ĐÔNG	SAVR	45	1	11			83	PVDWS	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN TÂM	SAVR	46	1	11			70	PVDWS	Vietnamese
18	LÊ TUNG PHONG	SAVR	58	1	10			63	PVDWS	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TIEN	SAVR	48	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	19	1.656	25	186	0	0	16		
TOTAL		19	1.656	25	186	0	0	16		
WEIGHT KG			1.656		186		0			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS.REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ

